



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ

Ngày 30/09/2025	42,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.0%	-5.6%	-

DT thuần Q3/25
323
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 232 257%
YoY: ▲ 82.0 34.1%

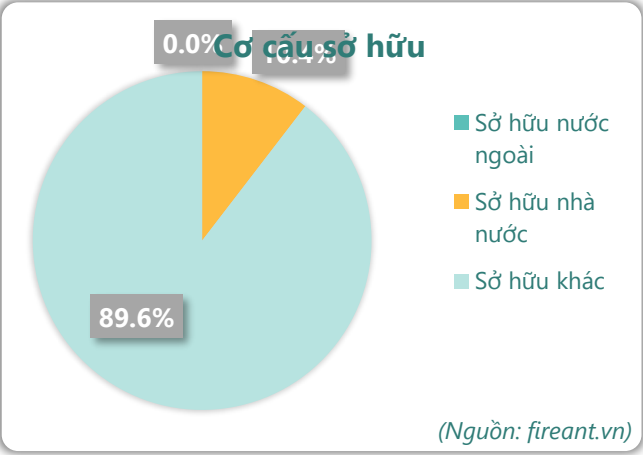
LN thuần Q3/25
236
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 197 500%
YoY: ▲ 98.0 70.9%

LN sau thuế Q3/25
189
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 157 495%
YoY: ▲ 64.0 50.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
73.0%
YoY: +/- ▲ 29.2%

ROE (TTM) Q3/25
25.5%
YoY: +/- ▲ 2.5%

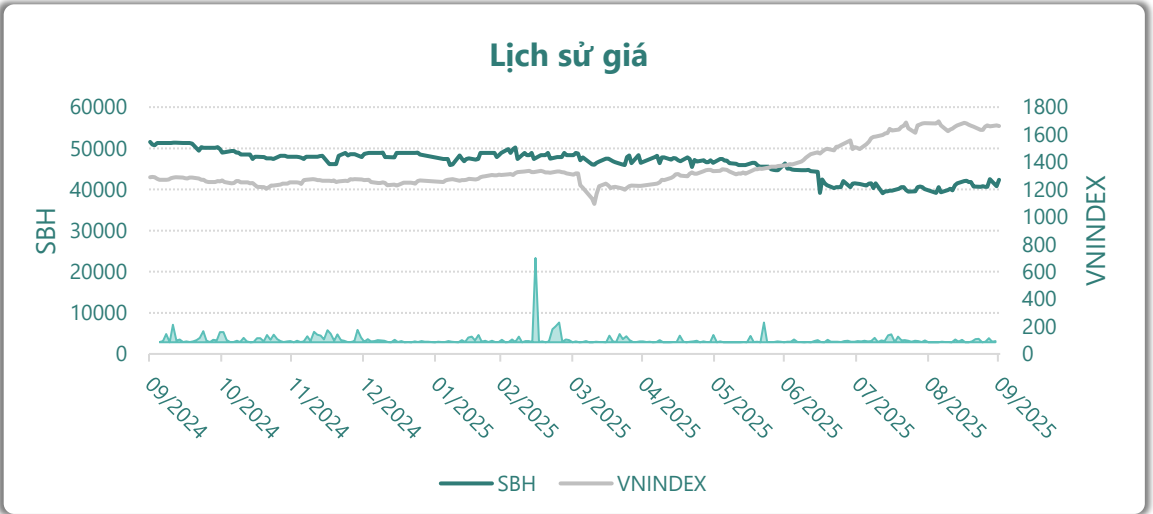
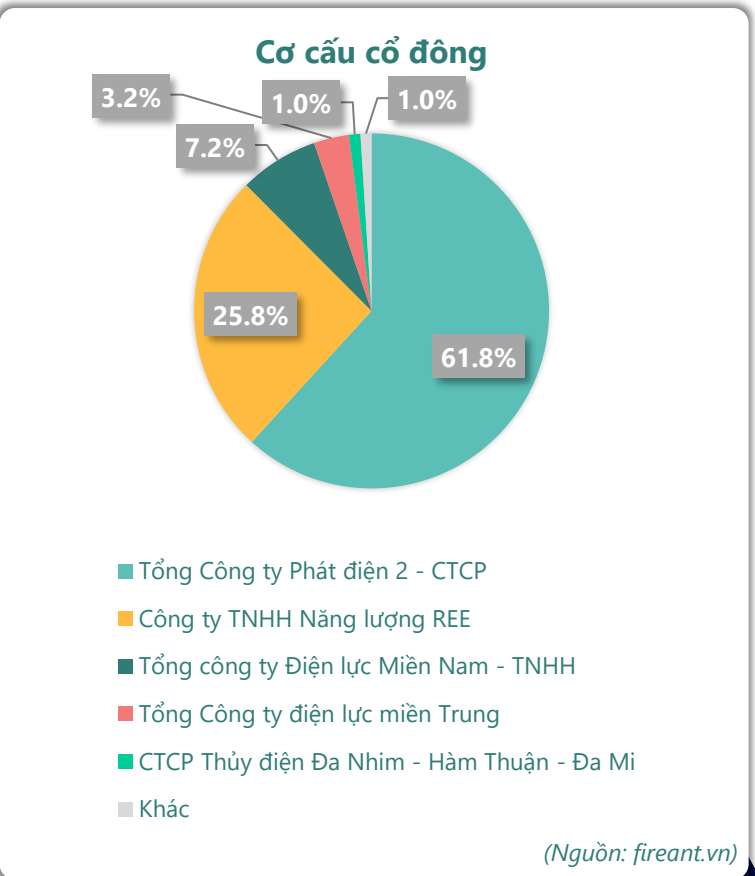
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	39,070 - 51,542
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,255
Số lượng CPLH (CP)	124,225,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,265
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.26
EPS	3,436
P/E	12.3



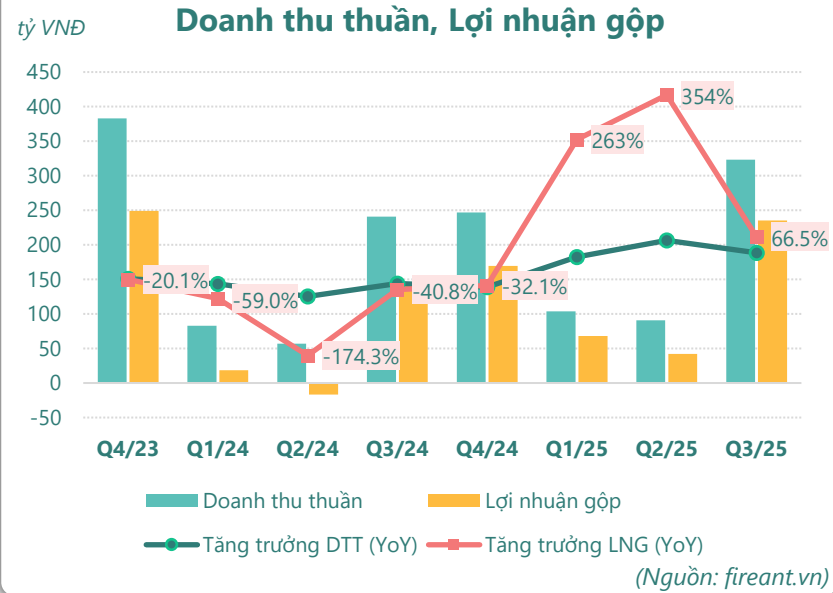
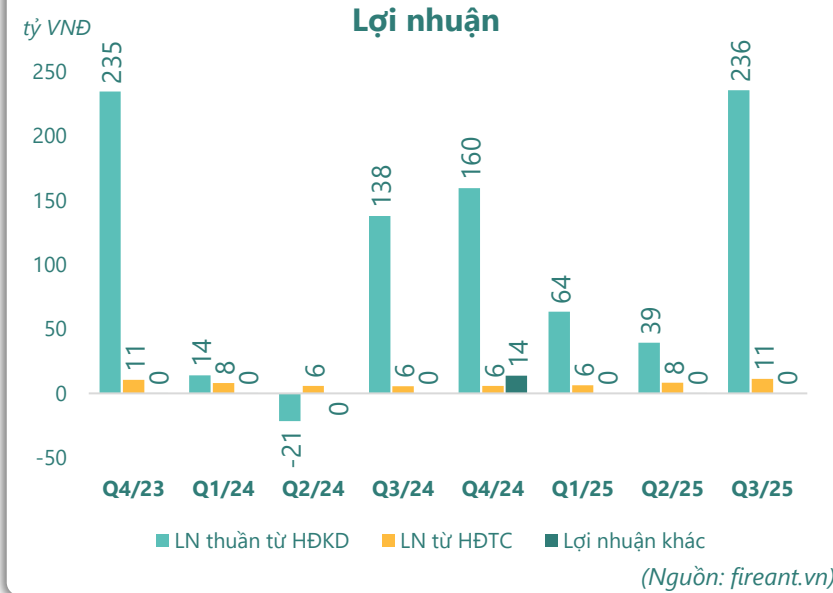
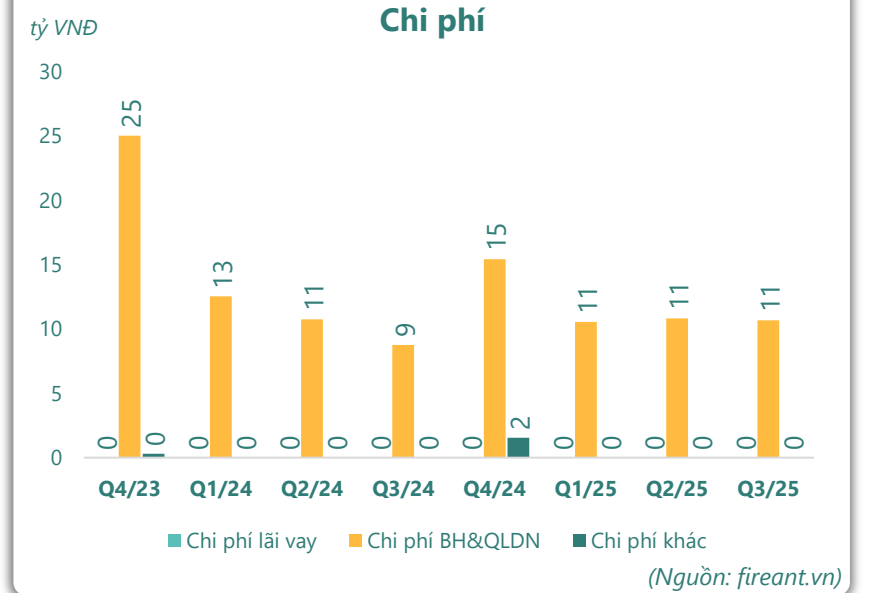
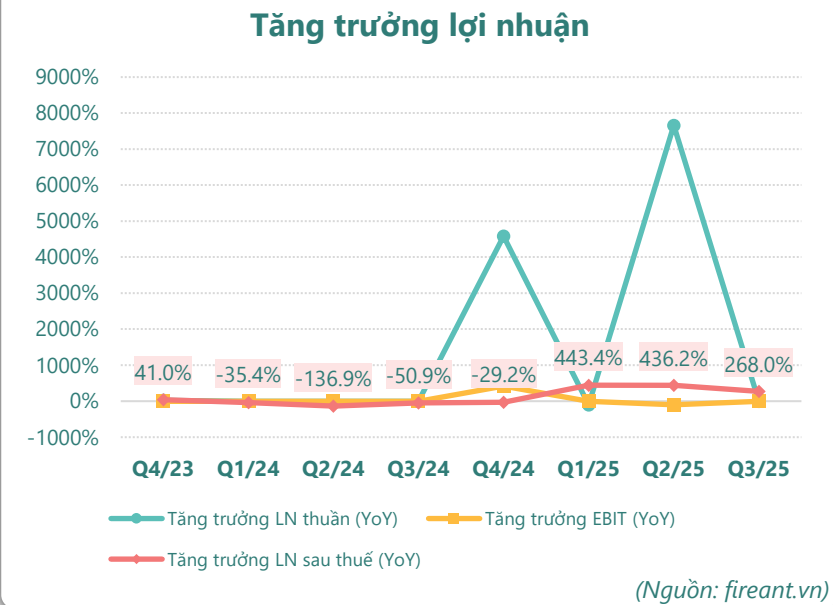
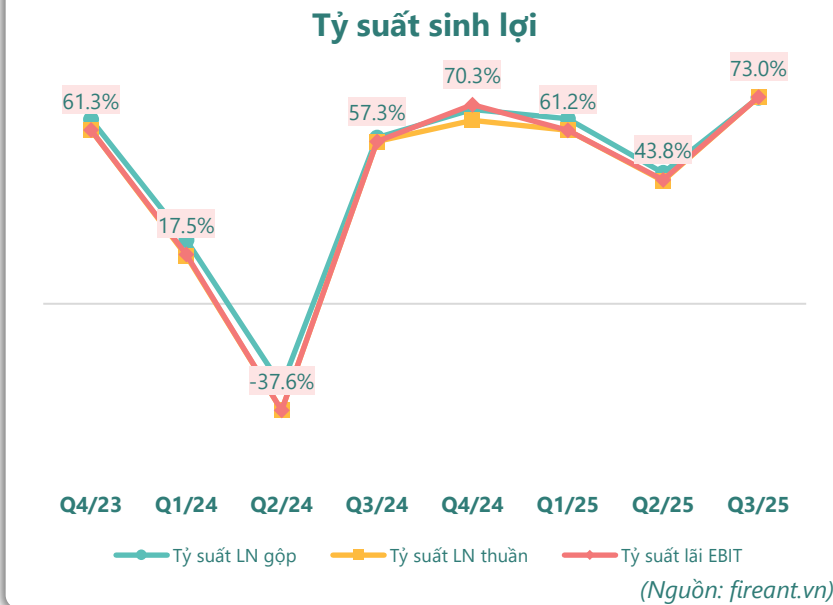
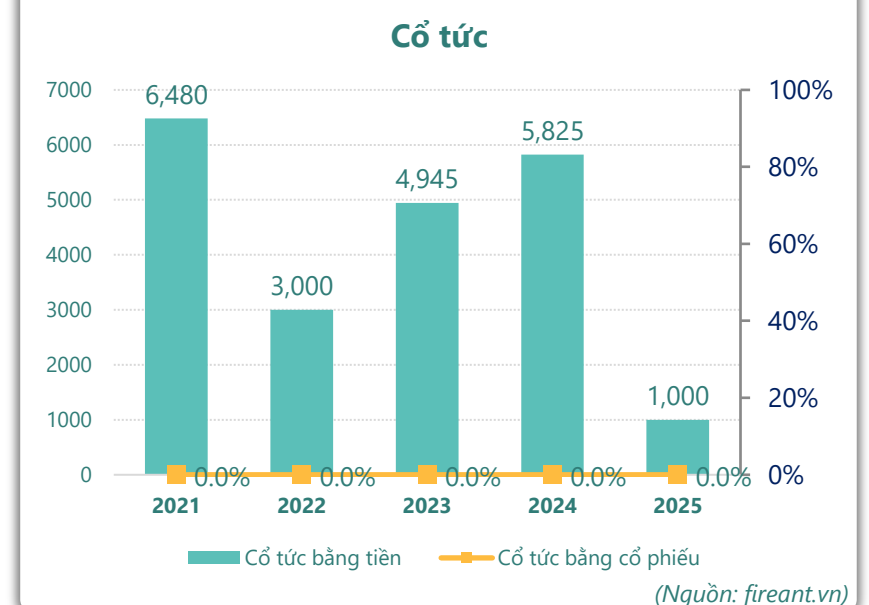
DT thuần 9T 2025
518
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 137 35.8%

LN thuần 9T 2025
339
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 208 159%

LN sau thuế 9T 2025
271
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 153 129%



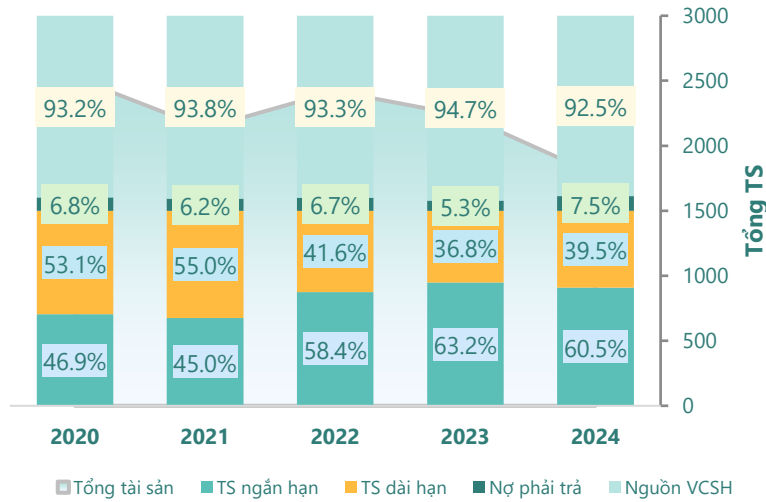
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

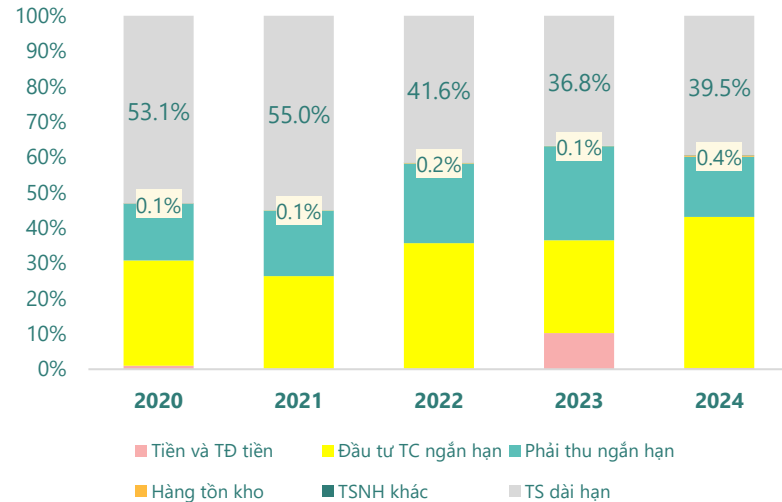
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

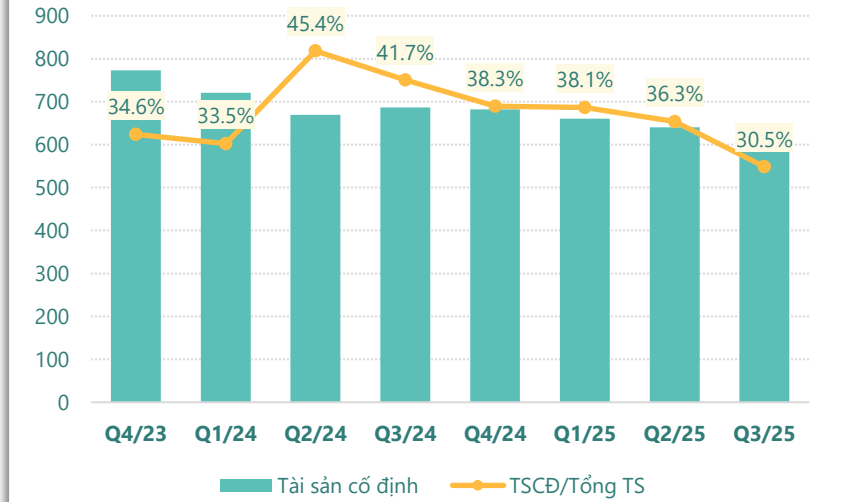
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

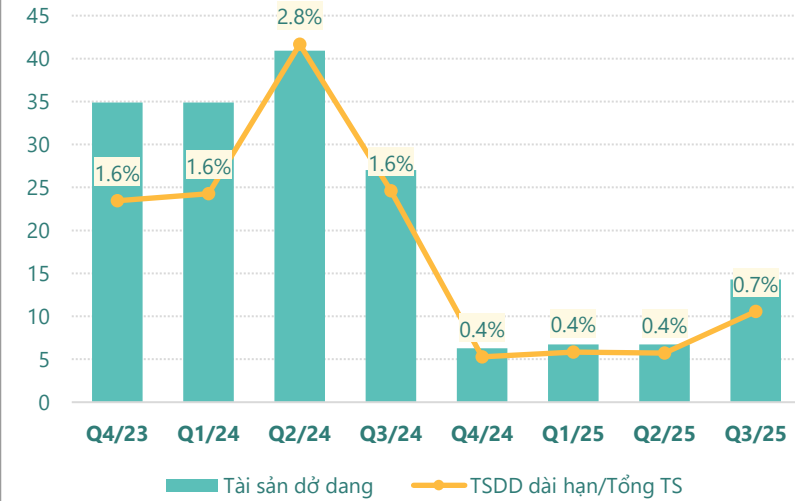
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

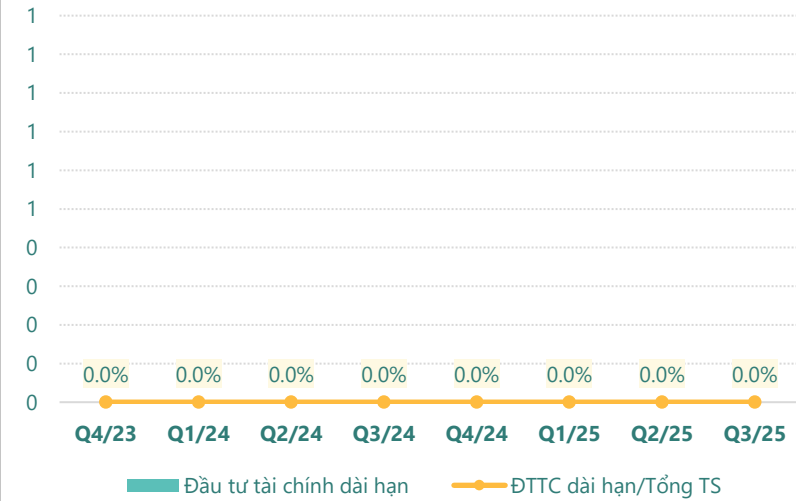
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

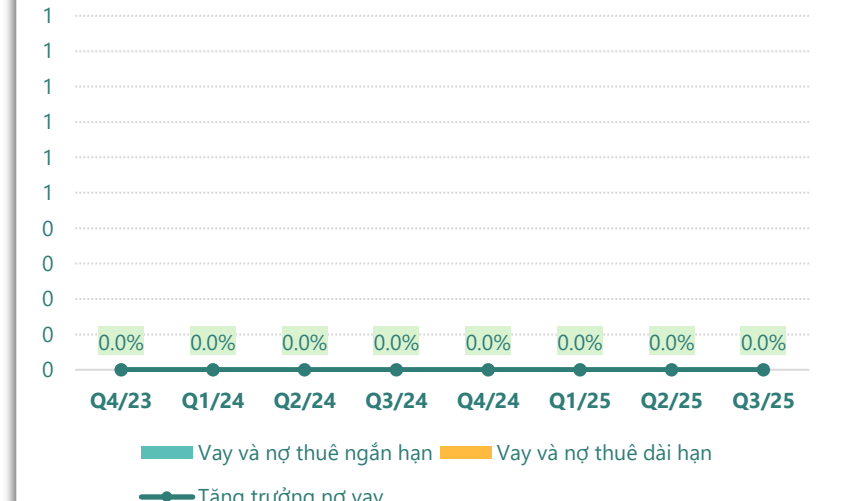
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

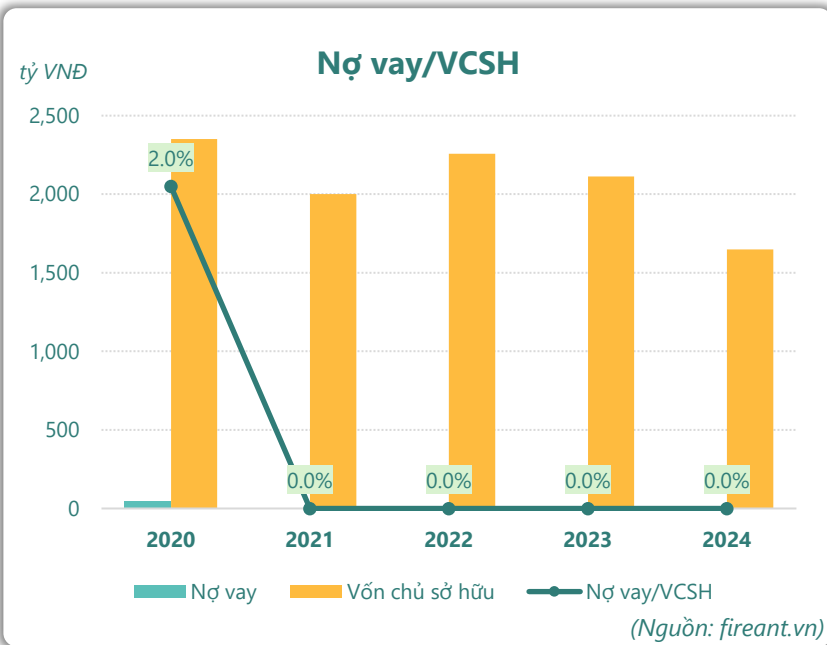
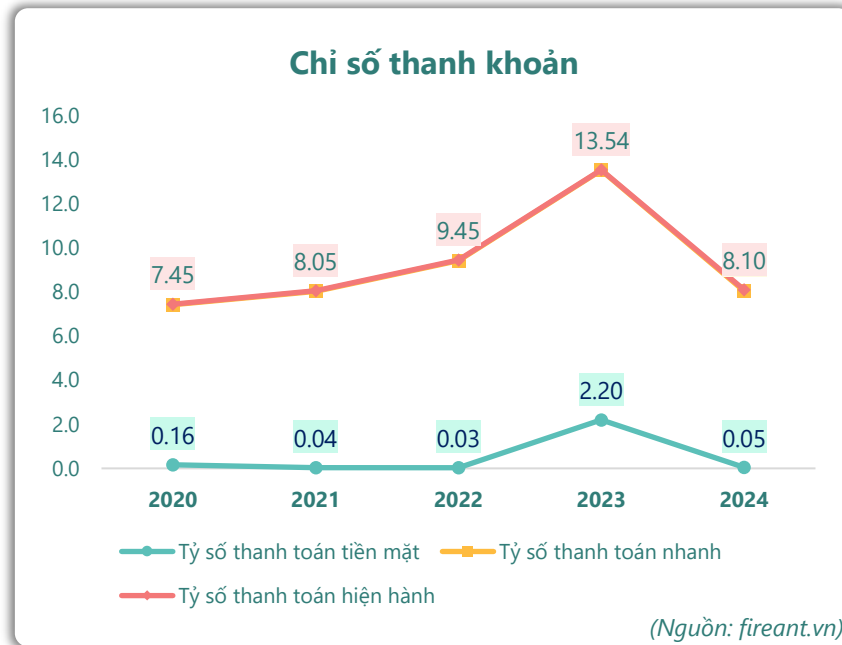
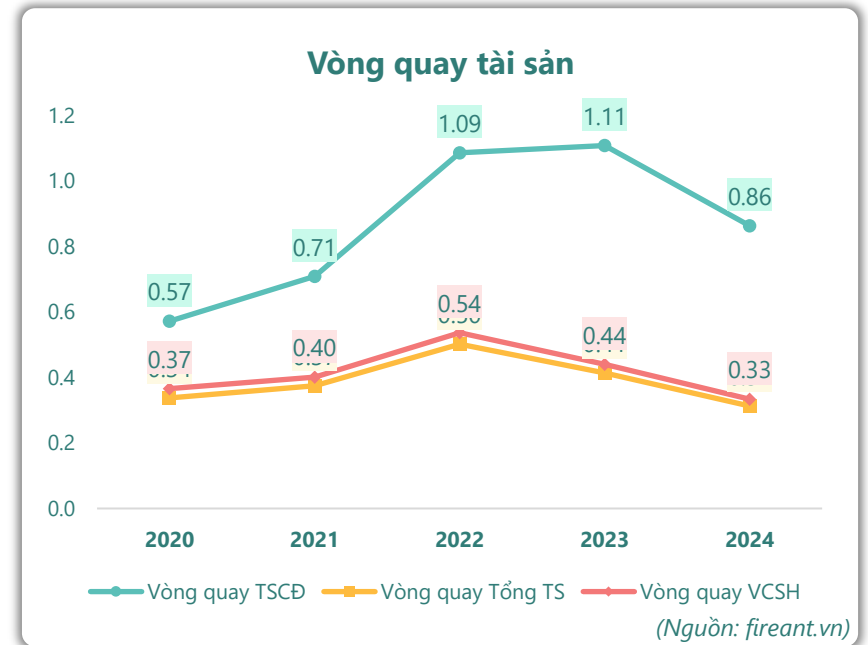
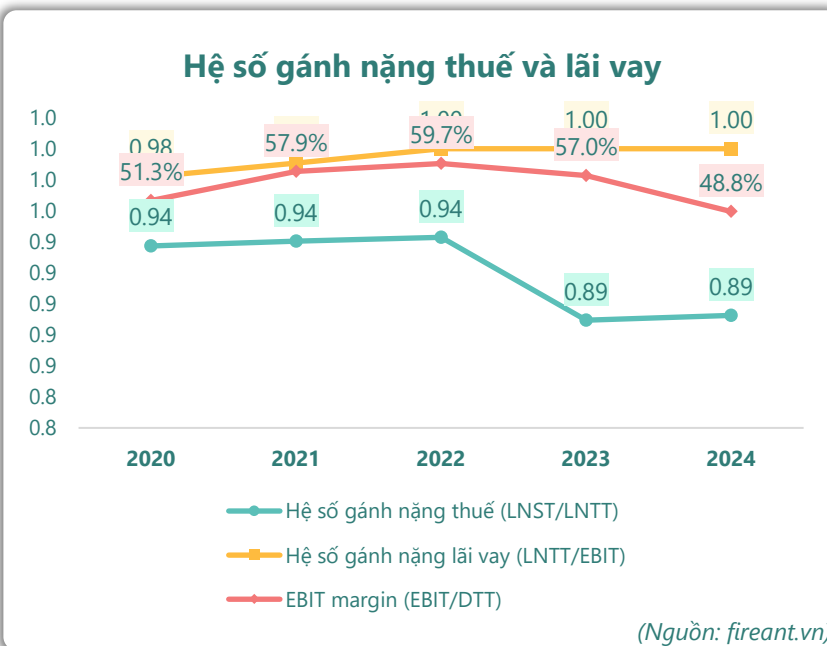
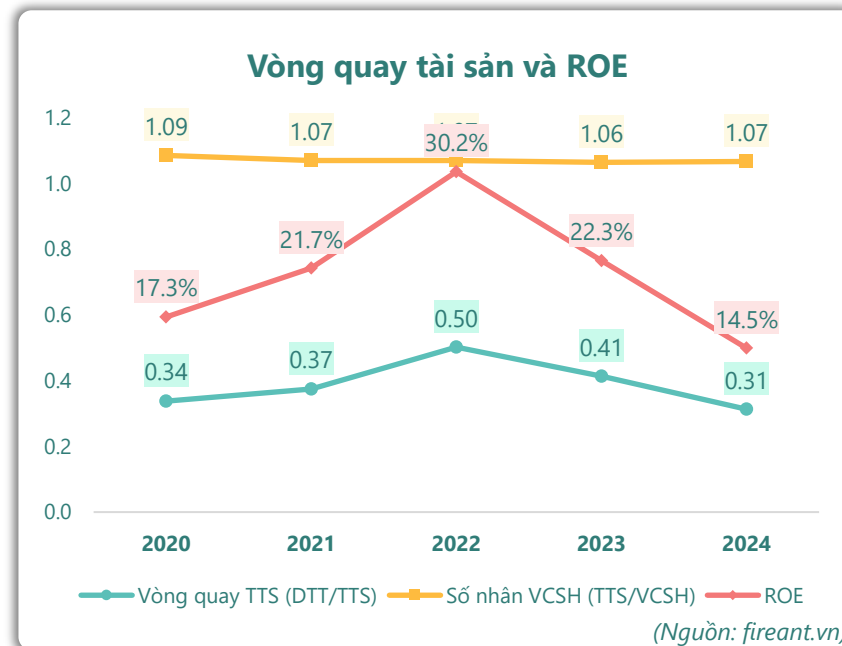
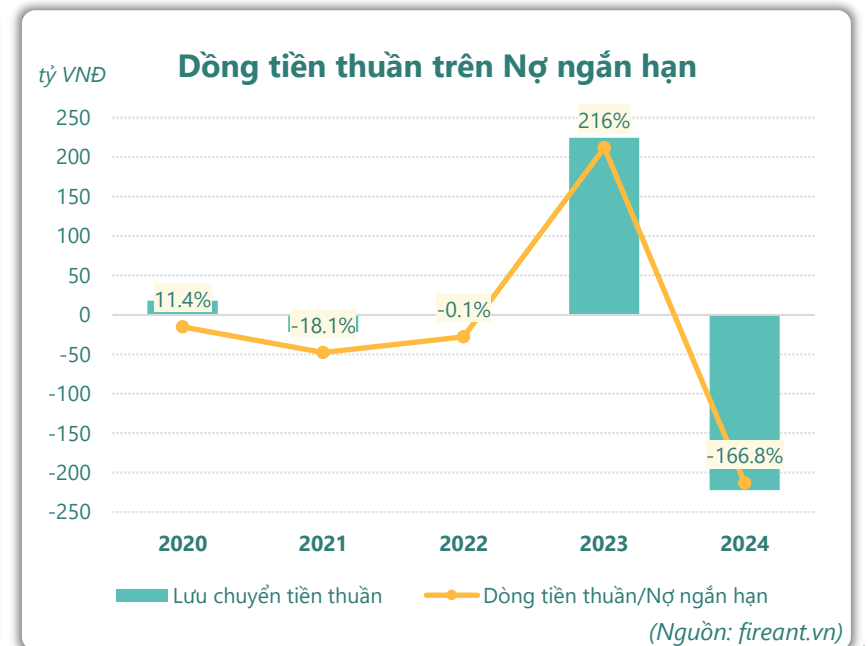
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	323	241	34.1%	518	381	35.8%
Giá vốn hàng bán	87.9	99.7	-11.8%	173	238	-27.3%
Lợi nhuận gộp	235	141	66.8%	345	143	141%
Doanh thu HĐTC	11.3	5.59	102%	25.9	19.4	33.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	10.7	8.76	22.1%	32.1	32.1	0.1%
LN thuần từ HĐKD	236	138	70.9%	339	131	159%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.34	0.39	-13.7%
LN trước thuế	236	138	70.9%	339	131	159%
Lợi nhuận sau thuế	189	125	50.9%	271	118	129%
LNST của CĐ cty mẹ	189	125	50.9%	271	118	129%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	170	-31.8	125	-34.6	210	24.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-88.1	-8.68	-141	108	-219	52.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-252	0.20	-0.23	-61.9	-0.04	0.10
Tiền đầu kỳ	233	63.0	22.7	6.94	18.2	9.40
Lưu chuyển tiền thuần	-170	-40.3	-15.8	11.3	-8.85	76.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	63.0	22.7	6.94	18.2	9.40	86.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,034	1,781	14.2%
Tài sản ngắn hạn	1,386	1,078	28.5%
Tiền và tương đương tiền	86.1	6.94	1142%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	836	761	9.9%
Phải thu ngắn hạn	455	302	50.3%
Hàng tồn kho	9.07	7.04	28.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	1.16	-68.7%
Tài sản dài hạn	648	703	-7.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	620	681	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.3	6.74	112%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.8	15.2	-8.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	245	133	83.8%
Nợ ngắn hạn	245	133	83.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	19.2	28.8	-33.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,789	1,648	8.6%
Vốn chủ sở hữu	1,789	1,648	8.6%
Vốn điều lệ	1,242	1,242	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

